

*

Số 123-HD/BTGHU

HƯỚNG DẪN
Công tác tuyên truyền tháng 5 năm 2020

Thực hiện Hướng dẫn số 167-HD/BTGTU, ngày 28/4/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về Công tác tuyên truyền tháng 5 năm 2020; Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn triển khai thực hiện như sau:

1. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa nhân sự kiện các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương trong tháng: Kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2020); Ngày Quốc tế lao động (01/5); 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2020); 66 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 – 7/5/2020); 61 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh – Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn; 79 năm Ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (15/5/1941 – 15/5/2020) và các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong tháng.
2. Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội tháng 4 năm 2020, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tháng 5 năm 2020.
3. Tuyên truyền kết quả 04 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh"; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với chuyên đề năm 2020 về "*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh*"; các điển hình tiêu biểu, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
4. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn treo cờ tổ quốc nhân dịp kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2020) và Ngày Quốc tế lao động 01/5 (gửi kèm đề cương tuyên truyền Kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước).
5. Đẩy mạnh tuyên truyền biển, đảo; công tác biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia; công tác thông tin đối ngoại năm 2020.

6. Tăng cường tuyên truyền các giải pháp của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong việc chủ động, đồng bộ, quyết liệt phòng, chống, ứng phó với diễn biến của dịch Covid-19, đảm bảo an toàn đời sống và sức khỏe của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Tăng cường thời lượng tiếp, phát sóng, tập trung vào công tác phòng, chống dịch, tuyên truyền về tình hình, diễn biến dịch bệnh để người dân không hoang mang lo lắng, chủ động, phối hợp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả.

- Tiếp tục tuyên truyền cảnh báo người dân không phát tán, lan truyền thông tin sai lệch về dịch bệnh Covid – 19 trên mạng xã hội.

7. Tiếp tục tuyên truyền kết quả công tác phòng, chống tham nhũng; nêu bật, khẳng định những kết quả, tác động tích cực của công tác phòng, chống tham nhũng thời gian qua đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần tăng cường niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; nhấn mạnh sự ủng hộ, đồng tình của người dân cả nước với quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước; nêu bật các vấn đề cần quan tâm để công tác phòng, chống tham nhũng đạt kết quả tích cực hơn trong thời gian tới.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trực quan nhằm tạo không khí phấn khởi, sôi nổi thi đua chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

9. Tuyên truyền về Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ 2 năm 2021: Giải thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân đã có những công trình, cụm công trình khoa học và công nghệ xuất sắc, có giá trị cao về khảo học và công nghệ; áp dụng vào sản xuất đời sống, góp phần phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh (gửi kèm theo thể lệ Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh lâm Đồng lần thứ 2 năm 2021).

Trên đây là hướng dẫn tuyên truyền tháng 5 năm 2020, đề nghị các tổ chức cơ sở đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c),
- Mặt trận và các đoàn thể CT - XH huyện,
- Phòng Văn hoá - Thông tin huyện,
- Trung tâm Văn hóa TT&TT huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Phước Minh

Đề cương tuyên truyền:

**Kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2020)**

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc, hiếu chiến và âm mưu bá chủ thế giới, từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCHN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

II. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất trong phe đế quốc. Cuộc kháng chiến này đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược của đế quốc Mỹ.

1. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: *Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.*

Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hắt cẳng Pháp, gạt bỏ những thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính quyền Mỹ - Diệm tập trung thực hiện biện pháp “tổ cộng”, “diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc dồn bẻ sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo con đường đi lên CNXH, chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

2. Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: *Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.*

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: *Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.*

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kim kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

4. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: *Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.*

Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970-1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. So sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: *Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.*

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho nguy lân đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng

tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xóa bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, nguy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân nguy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

6. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với Việt Nam: Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, cả nước đi lên CNXH.

- Đối với thế giới: Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

7. Nguyên nhân thắng lợi

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ,

chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH và vì quyền con người.

Ba là, cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Năm là, đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

8. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

III. Thành tựu sau 45 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 9/1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Ngày 25/4/1976 cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc với hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hoà XHCN Việt Nam (từ 2/7/1976). Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy là "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất. Thành phố Sài Gòn đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy toàn diện sức mạnh phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, có những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đó đến nay, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ, phát huy sức sáng tạo của nhân dân, được quán triệt trong nhiệm vụ xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của dân, do dân, vì dân. Quốc hội có những bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu đến hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, làm tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, tăng cường và lắng nghe ý kiến cử tri. Nâng cao sức chiến đấu, vai trò, vị trí của Đảng cầm quyền, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của

Đảng. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức được tăng cường. Chính phủ có nhiều cải tiến trong phương thức hoạt động, trong thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần phục vụ nhân dân. Hệ thống chính trị được củng cố, phân định rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn, đảm nhiệm ngày càng toàn diện hơn việc lãnh đạo, quản lý sự phát triển đất nước.

2. Kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng, văn hóa - xã hội có bước tiến bộ rõ nét. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, lại bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vượt lên, phát triển kinh tế khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Đất nước ta không những đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá được thế bao vây cấm vận, vượt qua những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và thế giới những năm 1997 - 1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu những năm gần đây mà vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mức tăng trưởng GDP bình quân 6-7%/năm, đặc biệt giai đoạn 1990 - 2000 đạt 7,5%; giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,51%, riêng năm 2006 là 8,23% và năm 2007 là 8,48%. Năm 2008, do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng đến nền kinh tế đất nước, GDP chỉ đạt 6,23%. Trong các năm từ 2009 đến 2014 tăng trưởng GDP lần lượt là 5,32%; 6,78%; 5,89%; 5,03%; 5,4%; 5,98%, từ 2015 đến 2019 tăng trưởng GDP lần lượt là 6,68%; 6,21%; 6,81%; 7,08%; 7,02%. Đặc biệt, năm 2019 Việt Nam đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng; là năm thứ hai liên tiếp nước ta đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 7 chỉ tiêu vượt kế hoạch là: GDP, xuất khẩu, giảm nghèo, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, xuất siêu, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, số giường bệnh/vạn dân. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc, tốc độ GDP tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra (từ 6,6-6,8%) và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực và thế giới.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được hoàn thiện. Quan hệ sản xuất ngày càng phù hợp hơn, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất. Các loại thị trường từng bước được hình thành và phát triển, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Từ năm 2008 chúng ta đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 đô la, vượt qua ngưỡng nước nghèo chậm phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Đến năm 2019 thu nhập bình quân đầu người đạt 64,4 triệu đồng, tương đương 2.800 USD (năm 2018 là 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD), tăng 213 USD so với năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 đến năm 2014 còn 8%, đến năm 2019 tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm xuống còn 4% và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá nạn mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Tuổi thọ của

người dân ngày càng tăng. Phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước và cả xã hội quan tâm. Vấn đề tạo điều kiện ưu đãi về tín dụng, đào tạo nghề, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo cho đối tượng chính sách được quan tâm. Công tác giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hoá về loại hình trường lớp; khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học - công nghệ có bước phát triển nhất định; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ; những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc được kế thừa và phát triển, giao lưu hợp tác văn hoá với nước ngoài được mở rộng, các tài năng văn hoá - nghệ thuật được khuyến khích; chính sách phát triển nguồn nhân lực được chú trọng.

3. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; chính trị - xã hội ổn định; độc lập chủ quyền quốc gia được giữ vững; tiềm lực an ninh, quốc phòng ngày càng lớn mạnh. 45 năm qua, chúng ta đã bảo vệ được thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh và ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển tiềm lực quốc phòng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Chúng ta đã phá vỡ thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn; có quan hệ ngoại giao với 187 nước, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế ASEAN, ASEM, APEC, WTO, CPTPP; đã chính thức ký với Liên minh Châu Âu Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA), kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP). Năm 2019 Việt Nam đã tổ chức thành công hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần thứ hai tại Hà Nội, góp phần thúc đẩy đối thoại, hòa giải, hòa bình trên bán đảo Triều Tiên, được các đối tác và cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao; được bầu làm ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (192/193 phiếu); tích cực tham gia giải quyết những vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan, góp phần giữ vững môi trường hoà bình khu vực và thế giới.

IV. Phát huy tinh thần cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

1. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của Đại thắng mùa Xuân 1975, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực, như: đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh chính trị, lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ...

2. Phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng mùa Xuân 1975 để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không chịu tụt hậu, từng bước tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Khát vọng đó của dân tộc, cũng thiêng liêng và mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới. Toàn dân đoàn kết, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường giáo dục giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước với sự giúp đỡ, hợp tác với các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

5. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người mới: Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ đi trước trong điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh và quốc phòng. Thế hệ thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến; ngày nay là lực lượng xung kích, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Phát huy tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Quốc phòng vững mạnh sẽ góp phần trực tiếp vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm và tạo điều kiện quan trọng cho việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước. Không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho mọi công dân nhằm khơi dậy, phát huy những giá trị truyền thống yêu nước của dân tộc trong điều kiện lịch sử mới.

*

* * *

Kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020) cũng là dịp để toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân ôn lại trang sử vẻ vang, truyền thống đấu tranh hào hùng của dân tộc Việt Nam nói chung, của Đảng bộ và Nhân dân Lâm Đồng nói riêng; nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc; thể hiện sự tri ân đối với các thế hệ cha anh, của đồng bào, đồng chí khắp mọi miền đất nước đã góp sức người, sức của và xương máu, góp phần tô đậm thêm những trang sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc. Từ đó, tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng Lâm Đồng trở thành tỉnh giàu, đẹp, văn minh.

MỘT SỐ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

1- Nhiệt liệt chào mừng 45 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020)!

2- Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - Sức mạnh của ý chí thống nhất đất nước và khát vọng hòa bình!

3- Tinh thần Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) và Ngày Quốc tế lao động (1/5) bất diệt!

4- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!

5- Người người thi đua, ngành ngành thi đua làm nhiều việc tốt vì một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!

6- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

7- Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

8- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG



Ký bởi Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND và UBND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 08/04/2020 13:10:48

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
BAN TỔ CHỨC GIẢI THƯỞNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 665/QĐ-BTC

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Thể lệ Giải thưởng khoa học và công nghệ
tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021

BAN TỔ CHỨC GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ HAI NĂM 2021

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Kế hoạch số 5422/KH-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh về tổ chức Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh thành lập Ban tổ chức Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021;

Xét đề nghị của Thường trực Ban tổ chức Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

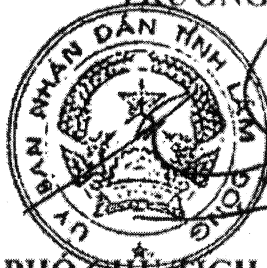
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Thể lệ Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021”.

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *th*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VXP.

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm S



THẺ LỆ

Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021
theo Quyết định số 665/QĐ-BTC ngày 08/4/2020
(Ban tổ chức Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng)

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng (sau đây viết tắt là Giải thưởng) được tổ chức xét tặng cho các công trình nghiên cứu khoa học; công trình nghiên cứu phát triển công nghệ; công trình ứng dụng công nghệ nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân đã có những công trình, cụm công trình khoa học và công nghệ (công trình) xuất sắc, có giá trị cao về khoa học và công nghệ; áp dụng vào sản xuất đời sống góp phần phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh Lâm Đồng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 2. Đối tượng tham dự

1. Tác giả, đồng tác giả là người Việt Nam, người nước ngoài có công trình được công bố, ứng dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;
2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có nhiều công trình giá trị, góp phần to lớn trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Điều kiện xét tặng Giải thưởng

1. Công trình có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, được công bố theo quy định (trừ các công trình có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước), được thực hiện, ứng dụng trên phạm vi tỉnh Lâm Đồng và phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng tỉnh Lâm Đồng;
2. Thời gian công trình được công bố hoặc ứng dụng thực tiễn ít nhất 03 năm hoặc được ứng dụng đổi mới sáng tạo có hiệu quả ít nhất 01 năm tính đến thời điểm cơ quan chủ trì tổ chức xét tặng Giải thưởng nhận hồ sơ đề nghị xét tặng;
3. Công trình chưa được tặng Giải thưởng cấp tỉnh hoặc cấp cao hơn;
4. Tính đến thời điểm xét tặng Giải thưởng, tác giả công trình không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng đối với công trình nghiên cứu khoa học

1. Về giá trị khoa học:

a) Công trình bổ sung được tri thức, tư tưởng mới hoặc có những phát hiện khoa học mới đưa đến nhận thức, cách tiếp cận mới trong khoa học, có tác động thay đổi trong sản xuất và đời sống xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Được công bố, trích dẫn trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước hoặc quốc tế.

2. Về giá trị thực tiễn:

a) Tác động phát triển kinh tế: Đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm thay đổi hợp lý cơ cấu ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tiết kiệm chi phí sản xuất; tăng năng suất lao động; giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, chống biến đổi khí hậu; chăm sóc sức khỏe cộng đồng; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; tiết kiệm năng lượng; giám sát và dự báo thiên tai, thảm họa, sự cố môi trường;

b) Tác động phát triển xã hội: Đóng góp lớn vào việc hoạch định, xây dựng cơ chế chính sách, chiến lược phát triển bền vững thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở khoa học và thực tiễn của công trình; tác động lớn đến nhận thức và đời sống xã hội, góp phần thay đổi tích cực hành vi ứng xử của nhóm, tầng lớp xã hội cụ thể trong phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tác động phát triển khoa học và công nghệ: Được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng đối với công trình nghiên cứu phát triển công nghệ

1. Về giá trị công nghệ: Trực tiếp giải quyết các vấn đề về công nghệ; tạo ra công nghệ mới với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản cao hơn công nghệ tương tự khác hoặc tạo ra sản phẩm mới.

2. Về giá trị thực tiễn:

a) Tác động phát triển kinh tế: Tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế lớn hoặc sản phẩm chủ lực của tỉnh, đề xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế trong phạm vi quản lý của tỉnh; góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới;

b) Tác động phát triển xã hội và bảo vệ môi trường: Thay đổi phương thức lao động, sản xuất truyền thống; cải thiện điều kiện, môi trường lao động, sản xuất hoặc góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng đời sống nhân dân.

Điều 6. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng đối với công trình ứng dụng công nghệ

1. Về giá trị công nghệ: Góp phần tạo ra phương án tổng thể với các giải pháp kỹ thuật kèm theo hoặc tạo ra những cải tiến kỹ thuật, công nghệ để ứng dụng thành công, sáng tạo công nghệ tiên tiến trong các công trình lớn của tỉnh hoặc có tác động đến hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của công trình đó.

2. Về giá trị thực tiễn:

a) Tác động phát triển kinh tế: Tạo ra sản phẩm, hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của sản phẩm tạo ra cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm cùng loại đang áp dụng tại địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, ngành kinh tế trong phạm vi quản lý của địa phương;

b) Tác động phát triển xã hội và bảo vệ môi trường: Đóng góp quan trọng trong phát triển khoa học và công nghệ của địa phương, ngành, lĩnh vực; bảo vệ quốc phòng - an ninh và môi trường.

Điều 7. Quy trình xét tặng Giải thưởng tại các cấp

Việc xét tặng tiến hành độc lập theo 02 cấp: cấp cơ sở và cấp tỉnh.

1. Cấp cơ sở:

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng được xem xét tại Hội đồng xét tặng cấp cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc Thủ trưởng cơ quan, đoàn thể, tổ chức trực tiếp quản lý tác giả công trình thành lập;

b) Trường hợp tác giả công trình không có cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi tác giả cư trú thành lập Hội đồng xét tặng cấp cơ sở;

c) Đối với tác giả là người nước ngoài có công trình nghiên cứu tại tỉnh Lâm Đồng, phải được một tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh có lĩnh vực hoạt động chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của công trình đề xuất (qua cơ quan chủ quản trực tiếp, nếu có). Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm hỗ trợ tác giả công trình hoàn thiện hồ sơ theo quy định và thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Cấp tỉnh:

a) Xem xét hồ sơ tại các Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh;

b) Xem xét hồ sơ tại Hội đồng xét tặng cấp tỉnh;

c) Ban tổ chức cấp tỉnh tổng hợp, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Giải thưởng.

Điều 8. Nguyên tắc và nội dung hoạt động của Hội đồng các cấp

1. Thành phần Hội đồng:

a) Hội đồng xét tặng các cấp gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện và các thành viên khác. Thành viên là đại diện các cơ sở đã ứng dụng kết quả công trình, các nhà khoa học, nhà công nghệ, nhà quản lý có uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu lĩnh vực khoa học và công nghệ của công trình; Chủ tịch Hội đồng là nhà khoa học có uy tín, am hiểu lĩnh vực khoa học và công nghệ của công trình;

Hội đồng phân công thành viên là chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực khoa học của công trình làm ủy viên phản biện viết nhận xét, đánh giá công trình. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời thêm chuyên gia phản biện độc lập;

Tác giả công trình, người có quyền, lợi ích liên quan đến công trình không được là thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng công trình đó.

b) Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có từ 07 đến 09 thành viên. Trường hợp cần thiết, người thành lập Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có thể mời thêm chuyên gia am hiểu lĩnh vực khoa học và công nghệ của công trình tham gia Hội đồng xét tặng cấp cơ sở và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Hội đồng xét tặng cấp tỉnh có từ 09 đến 11 thành viên.

d) Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh: gồm các nhà khoa học uy tín, được đào tạo cùng chuyên ngành với công trình đề nghị xét tặng và có công trình cùng chuyên ngành được công bố; có từ 09 đến 11 thành viên; số lượng Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh phụ thuộc vào số lĩnh vực khoa học của các công trình đề nghị xét tặng; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản) Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh là thành viên của Hội đồng xét tặng cấp tỉnh.

2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng:

a) Đánh giá công bằng, dân chủ, khách quan, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu và quyết định theo tỷ lệ quy định cho từng cấp xét thưởng;

b) Chỉ xem xét hồ sơ đáp ứng đầy đủ các văn bản, tài liệu theo quy định;

c) Hội đồng xét tặng cấp tỉnh chỉ xem xét công trình do Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh đề nghị; Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh chỉ xem xét công trình do Hội đồng xét tặng cấp cơ sở đề nghị;

d) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, nhận xét và đánh giá bằng văn bản đối với hồ sơ đề nghị xét tặng;

d) Cuộc họp Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản) chủ trì và có 02 ủy viên phân biện. Thành viên Hội đồng vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản;

e) Nội dung cuộc họp ghi thành biên bản, có chữ ký của người chủ trì, thư ký khoa học do Hội đồng bầu chọn và lưu hồ sơ đề nghị xét tặng;

g) Việc xét tặng Giải thưởng cho các công trình có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước được áp dụng quy trình, thủ tục chung nhưng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

h) Mẫu áp dụng tại các Hội đồng theo Phụ lục đính kèm Thể lệ này:

- Phiếu nhận xét: Công trình nghiên cứu khoa học (NX1), công trình nghiên cứu phát triển công nghệ (NX2), công trình ứng dụng công nghệ (NX3);

- Phiếu đánh giá công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng (ĐG);

- Biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng (KP);

- Biên bản họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng (BBH).

3. Chuẩn bị họp Hội đồng: Cơ quan thường trực Hội đồng xét tặng có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến các thành viên Hội đồng trước 07 ngày và tổ chức cuộc họp Hội đồng trong thời hạn không quá 15 ngày từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng.

4. Nội dung hoạt động của Hội đồng xét tặng:

- a) Công bố quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Phổ biến các quy định liên quan đến hoạt động của Hội đồng;
- c) Thống nhất phương thức làm việc và kế hoạch hoạt động của Hội đồng;
- d) Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng, trong đó có 02 thành viên làm phân biện đối với mỗi công trình;
- đ) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng; trường hợp Chủ tịch vắng mặt, ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì;
- e) Bầu Thư ký khoa học và Ban kiểm phiếu đánh giá công trình;
- g) Thành viên phân biện nêu ý kiến, nhận xét về công trình;
- h) Các thành viên Hội đồng thảo luận, xem xét đánh giá công trình;
- i) Thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá công trình;
- k) Kiểm phiếu đánh giá công trình và thông qua biên bản kiểm phiếu;
- l) Thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản họp Hội đồng;
- m) Kiến nghị Thủ trưởng cơ quan tổ chức xét tặng xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian Hội đồng làm việc (nếu có);
- n) Hoàn thiện hồ sơ và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 9. Thủ tục xét tặng Giải thưởng tại Hội đồng xét tặng cấp cơ sở

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng: Tác giả công trình hoặc đại diện hợp pháp của tác giả công trình nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xét tặng (bản giấy) và 01 bản điện tử (dạng PDF) lưu trong USB, không đặt mật khẩu, gồm:

- a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (bản chính) của tác giả công trình hoặc đại diện hợp pháp của tác giả công trình (mẫu ĐK1);
- b) Báo cáo tóm tắt (bản chính): Công trình nghiên cứu khoa học (mẫu BC1), công trình nghiên cứu phát triển công nghệ (mẫu BC2), công trình ứng dụng công nghệ (mẫu BC3);
- c) Tài liệu liên quan đến việc công bố hoặc văn bản xác nhận kết quả ứng dụng công trình (mẫu XN);
- d) Bản sao các văn bản, tư liệu khoa học và công nghệ, tài liệu khác liên quan đến công trình (nếu có).

Đối với công trình nghiên cứu của tác giả là người nước ngoài mà hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm bản dịch sang tiếng Việt được tổ

chức khoa học và công nghệ đề xuất xét tặng Giải thưởng xác nhận về sự chuẩn xác của bản dịch.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tác giả công trình, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ đề xuất xét tặng Giải thưởng cho công trình nghiên cứu của tác giả là người nước ngoài căn cứ kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng của UBND tỉnh đề:

a) Hướng dẫn và thông báo thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

b) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

c) Quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở;

d) Tổ chức họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở theo quy định để xem xét, đánh giá công trình;

đ) Gửi văn bản đề nghị kèm danh sách và hồ sơ công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng đến Ban tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở;

e) Tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo (nếu có).

3. Trách nhiệm của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở:

a) Xem xét, đánh giá công trình đề nghị xét tặng theo quy định;

b) Đề nghị tác giả công trình hoặc tổ chức, cá nhân liên quan nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ để lưu tại cơ quan tổ chức xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng theo góp ý của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở nếu công trình được đề nghị xét thưởng ở cấp tiếp theo;

c) Gửi danh sách và hồ sơ công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng và được ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý đến Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tác giả công trình, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ đề xuất xét tặng Giải thưởng cho công trình nghiên cứu của tác giả là người nước ngoài để tiến hành thủ tục tiếp theo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét tặng ở Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở.

Điều 10. Thủ tục xét tặng Giải thưởng tại Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng:

a) Văn bản đề nghị xét tặng Giải thưởng (bản chính) của Thủ trưởng cơ quan, đoàn thể, tổ chức trực tiếp quản lý tác giả công trình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh nơi tác giả cư trú (mẫu CV);

b) Biên bản họp xét tặng Giải thưởng (bản chính) của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở;

c) Hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng theo quy định tại Thể lệ này.

2. Ban tổ chức Giải thưởng căn cứ kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng:
- a) Hướng dẫn và thông báo thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;
 - b) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;
 - c) Đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh danh sách công trình và tác giả, báo cáo tóm tắt công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng để lấy ý kiến;
 - d) Thành lập các Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh theo quy định;
 - đ) Tổ chức họp Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh;
 - e) Đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh kết quả xét tặng Giải thưởng ở Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh trong thời gian ít nhất 07 ngày làm việc;
 - g) Gửi văn bản đề nghị kèm danh sách và hồ sơ công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng đến Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh;
 - h) Tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo (nếu có).

3. Trách nhiệm của Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh:

- a) Xem xét, đánh giá công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng;
- b) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng thông báo tới tác giả công trình hoặc tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng theo góp ý của Hội đồng xét tặng Giải thưởng nếu công trình được đề nghị xét thưởng ở cấp tiếp theo.
- c) Gửi danh sách và hồ sơ công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý đến Ban tổ chức Giải thưởng để tiến hành thủ tục tiếp theo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét tặng Giải thưởng ở Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh.

Điều 11. Thủ tục xét tặng Giải thưởng tại Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh

- 1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh:
 - a) Văn bản đề nghị xét tặng Giải thưởng của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh;
 - b) Biên bản họp của Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh;
 - c) Hồ sơ xét tặng Giải thưởng của Hội đồng chuyên ngành cấp tỉnh quy định tại Thể lệ này;
- 2. Trách nhiệm của Ban tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh:
 - a) Tổ chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

- b) Tổ chức họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh theo quy định;
- c) Công bố kết quả xét tặng Giải thưởng của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh và đưa tin 03 số liên tiếp trên Báo Lâm Đồng;
- d) Tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo (nếu có).

3. Trách nhiệm Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh:

- a) Kiểm tra, rà soát hồ sơ xét tặng Giải thưởng của Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành cấp tỉnh do Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh đề nghị;
- b) Xem xét, đánh giá và bỏ phiếu lựa chọn công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng theo quy định;
- c) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đoàn thể, tổ chức trực tiếp quản lý tác giả công trình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh nơi tác giả cư trú thông báo tới tác giả công trình hoặc tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng theo góp ý của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh;
- d) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Tờ trình; danh sách, báo cáo tóm tắt công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng và được ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng dự họp bỏ phiếu đồng ý; biên bản họp xét tặng Giải thưởng của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh;
- đ) Gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét tặng Giải thưởng ở Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh.

Điều 12. Cơ cấu Giải thưởng

- 1. 03 Giải A tương ứng 03 lĩnh vực, mỗi giải trị giá 110.000.000 đồng (không quá 80 lần mức lương cơ sở tại thời điểm quyết định tặng Giải thưởng).
- 2. 03 Giải B tương ứng 03 lĩnh vực, mỗi giải trị giá 60.000.000 đồng (không quá 60 lần mức lương cơ sở tại thời điểm quyết định tặng Giải thưởng).
- 3. 06 Giải C tương ứng 03 lĩnh vực (mỗi lĩnh vực 02 giải), mỗi giải trị giá 40.000.000 đồng (không quá 40 lần mức lương cơ sở tại thời điểm quyết định tặng Giải thưởng).

Điều 13. Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

- 1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về những vi phạm quy định, trình tự, thủ tục, kết quả xét thưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung khiếu nại, tố cáo của mình.
- 2. Nếu là tổ chức khiếu nại phải ghi rõ tên cơ quan, đơn vị, có dấu và chữ ký của cấp có thẩm quyền.

3. Đơn khiếu nại gửi cơ quan thường trực Ban tổ chức xét tặng Giải thưởng trong vòng 30 ngày sau khi có thông báo kết quả xét thưởng. Ban tổ chức có trách nhiệm xem xét và trả lời theo quy định.

4. Sau khi công bố Giải thưởng, nếu phát hiện gian dối trong đề nghị xét giải, cơ quan thường trực báo cáo Ban tổ chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét:

a) Tác giả, tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được tặng Giải thưởng nếu bị phát hiện gian dối trong quá trình đề nghị xét tặng Giải thưởng thì bị hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng:

a) Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng ở cấp cơ sở lấy từ nguồn kinh phí của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức), các huyện, thành phố tổ chức xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở;

Trường hợp tác giả công trình không có cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thì kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng ở cấp cơ sở được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp về huyện, thành phố nơi tác giả cư trú, nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

b) Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ tại cấp tỉnh từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này được sử dụng để thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng, triển khai kế hoạch xét tặng Giải thưởng của Hội đồng các cấp;

b) Trả thù lao các thành viên Hội đồng các cấp, chuyên gia phản biện độc lập, tổ thư ký và công tác thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

c) Tổ chức họp Hội đồng các cấp;

d) Công bố danh mục các công trình đề nghị xét tặng, thông tin về kết quả xét tặng Giải thưởng các cấp trên phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Tổ chức Lễ trao Giải thưởng;

- e) Chi trả tiền thưởng kèm theo Giải thưởng;
- h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của Hội đồng các cấp (nếu có);
- i) Chi các hoạt động khác.

3. Mức chi: Theo Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh ban hành định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng và các quy định hiện hành khác.

Điều 15. Tiến độ thực hiện

1. Cấp cơ sở:

- a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Giải thưởng trong suốt thời gian diễn ra Giải thưởng;
- b) Hướng dẫn các tập thể, cá nhân đăng ký và tiếp nhận hồ sơ tham gia Giải thưởng;
- c) Tổ chức thẩm định, xét chọn các công trình, cụm công trình tham gia Giải thưởng cấp tỉnh. Hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh trước ngày 31/12/2020.

2. Cấp tỉnh:

- a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Giải thưởng trong suốt thời gian diễn ra Giải thưởng;
- b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng đến hết ngày 31/12/2020 (tính theo dấu bưu điện đối với các hồ sơ gửi qua đường bưu điện).
- c) Tổ chức thẩm định, phân biện và xét giải trước ngày 30/6/2021;
- d) Tổ chức trao tặng Giải thưởng trước ngày 31/12/2021.

Hồ sơ tham dự Giải thưởng cấp tỉnh được đựng trong phong bì kín, ngoài phong bì ghi "Hồ sơ tham dự xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai năm 2021", có thể gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (bằng thư bảo đảm), theo địa chỉ sau:

- Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng.

Số 05 Trần Hưng Đạo, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633.521.668 - 02633 533 247

- Đồng thời gửi file điện tử đến email: lienhiephoilamdong@gmail.com

Hồ sơ tham dự xét tặng Giải thưởng không được trả lại, được Ban tổ chức lưu trữ theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh - Cơ quan thường trực Ban tổ chức Giải thưởng chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu Ban tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức Giải thưởng cấp cơ sở lựa chọn công trình tham dự Giải thưởng cấp tỉnh đảm bảo thời gian, đúng quy định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề chưa hợp lý hoặc phát sinh mới, Ban thư ký Giải thưởng tổng hợp trình Ban tổ chức Giải thưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
